

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/KDTM-ST
Ngày: 28-5-2026
Vv tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Minh Châu.
- Ông Sô Lan Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLST-KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2026, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2026/QĐXX-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1821/2026/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) V1 (V); địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Văn P – Chức vụ: Nhân viên; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/02/2026); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (TNHH P); địa chỉ: Lô F, khu công nghiệp N, phường A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn A – Chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 17b, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH P vay vốn của V theo Hợp đồng cho vay số CLC-37894-01

ký ngày 11/3/2025 và các khế ước nhận nợ, văn bản có liên quan. Hạn mức hợp đồng: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); Số tiền giải ngân theo khế ước nhận nợ là 700.000.000 đồng, cụ thể giải ngân theo 02 khế ước nhận nợ gồm: Khế ước nhận nợ số 220525-5318703-ONL-309; số tiền vay 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày giải ngân; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng vật liệu khác; lãi suất vay: 13%/năm, cố định và khế ước nhận nợ số 220525-5318703-ONL-310; số tiền vay 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày giải ngân; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng vật liệu khác; lãi suất vay: 13%/năm, cố định. Để đảm bảo cho khoản vay trên, cá nhân ông Nguyễn Văn A nhận bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-52999/25/SME/BLCN-01 ký ngày 11/03/2025.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của các hợp đồng tín dụng tại V, Công ty TNHH P đã thanh toán được tổng cộng là: 101.447.979 đồng (Một trăm lẻ một triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Thanh toán nợ gốc 89.212.886 đồng và thanh toán nợ lãi 12.235.093 đồng.

Do Công ty TNHH P không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng, nên V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty TNHH P để yêu cầu hoàn trả nợ vay. Tuy nhiên đến nay Công ty TNHH P vẫn tiếp tục không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Thời điểm chuyển nợ quá hạn là ngày 22/7/2025.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (V) yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH P phải trả một lần cho V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 28/5/2026 là 711.476.577 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm mười một triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng*). Trong đó bao gồm: Nợ gốc phải thanh toán là: 610.787.114 đồng; nợ lãi quá hạn: 100.525.980 đồng; phạt chậm trả là: 163.483 đồng.

Ngoài ra, kể từ tiếp theo (ngày 29/5/2026), Công ty TNHH P vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, V có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn A phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho V theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-52999/25/SME/BLCN-01 ký ngày 11/03/2025.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH P vắng mặt nhưng tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông thống nhất số tiền Công ty TNHH P còn nợ của Ngân hàng TMCP V1 như trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Tuy nhiên do tình hình sản xuất còn khó khăn và ông đau bệnh, ông đã làm đơn xin tái cơ cấu lại Công ty nên xin V cho thời gian để Công ty sản xuất hoạt động trở lại, có tiền công ty sẽ hoàn trả đầy đủ. Ông cam kết trong vòng 6 tháng, bắt đầu từ tháng 07/2026 Công ty sẽ thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1.

Tại bản tự khai ngày 02/4/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông

Nguyễn Văn A trình bày:

Ngày 11/3/2025 ông có ký Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-52999/25/SME/BLCN-01 với Ngân hàng TMCP V1. Theo nội dung hợp đồng nếu Công ty TNHH P không trả nợ cho Ngân hàng, ông sẽ trả bằng tài sản riêng của ông. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH P phải trả một lần cho V tổng số nợ còn thiếu thì ông thống nhất như trình bày và đề nghị của bị đơn là đề nghị V cho thời gian để Công ty sản xuất hoạt động trở lại, có tiền công ty sẽ hoàn trả đầy đủ. Ông cam kết trong vòng 6 tháng, bắt đầu từ tháng 07/2026 Công ty sẽ thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 cho Công ty TNHH P vay vốn với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về kinh doanh, thương mại mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty TNHH P có trụ sở tại: Lô F, khu công nghiệp N, phường A, tỉnh Gia Lai. Căn cứ quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn A vắng mặt, có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng cho vay số CLC-37894-01 ngày 11/3/2025, hạn mức hợp đồng: 3.000.000.000 đồng; Số tiền giải ngân 700.000.000 đồng theo 02 khế ước nhận nợ gồm: Khế ước nhận nợ số 220525-5318703-ONL-309; số tiền vay 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày giải ngân; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng vật liệu khác; lãi suất vay: 13%/năm, cố định và khế ước nhận nợ số 220525-5318703-ONL-310; số tiền vay 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày giải ngân; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng vật liệu khác; lãi suất vay: 13%/năm, cố định. Tại bản tự khai và tại biên bản hoà giải ngày 02 tháng 4 năm 2026, ông Nguyễn Văn A là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P cũng

xác nhận Công ty TNHH P còn nợ Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/4/2026 là 693.172.851 đồng trong đó nợ gốc 610.787.114 đồng, nợ lãi quá hạn 82.252.569 đồng, phạt chậm trả 133.168 đồng, đúng như số nợ mà Ngân hàng TMCP V1 yêu cầu. Như vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Công ty TNHH P vay vốn tại Ngân hàng TMCP V1 là có thật, phù hợp với Hợp đồng cho vay số CLC-37894-01 ngày 11/3/2025 và 02 khế ước nhận nợ mà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp. Quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 28/5/2026, tổng cộng số nợ là: 711.476.577 đồng trong đó nợ gốc: 610.787.114 đồng, nợ lãi phải trả: 100.525.980 đồng; Lãi chậm trả: 163.483 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm: Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 14/10/2016 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng lãi suất, điều chỉnh lãi suất của ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm thì yêu cầu của Ngân hàng TMCP V1 căn cứ nên buộc Công ty TNHH P tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số CLC-37894-01 ngày 11/3/2025, các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[5] Công ty TNHH P kéo dài thời gian trả nợ đến tháng 7 năm 2026 vì tình hình sản xuất khó khăn và Công ty đang trong thời gian hoạt động trở lại. Yêu cầu của bị đơn không được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn. Theo quy định tại các Điều 117, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 99, 100, khoản 2 Điều 210 Luật các chức tín dụng năm 2024, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH P trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi theo nhận định trên.

[6] Ngân hàng TMCP V1 yêu cầu trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số CLC-37894-01 ngày 11/3/2025; Khế ước nhận nợ số 220525-5318703-ONL-309 và khế ước nhận nợ số 220525-5318703-ONL-310 thì yêu cầu ông Nguyễn Văn A phải trả bằng tài sản của ông A thu hồi nợ vay theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-52999/25/SME/BLCN-01 ngày 11/3/2025.

Xét hợp đồng bảo lãnh số ELOS-52999/25/SME/BLCN-01 ngày 11/3/2025 được lập thành văn bản, phù hợp với quy định tại các Điều 117, 299, 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và thỏa thuận giữa các bên tại Điều 3 của Hợp đồng bảo lãnh. Do đó, hợp đồng bảo lãnh số ELOS-52999/25/SME/BLCN-01 ngày 11/3/2025 có hiệu lực pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng TMCP V1.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với số tiền 20.000.000 đồng + (711.476.577 đồng - 400.000.000 đồng) x 4% = 32.459.063,08 đồng, làm tròn thành 32.459.000 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 117, 299, 335, 336, 339, 342, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; lệ số 08/2016/AL ngày 14/10/2016 của Hội đồng phán Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng lãi suất, điều chỉnh lãi suất của ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm; các Điều 99, 100, 210 của Luật các chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty TNHH P trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 711.476.577 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm mười một triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng*). Trong đó bao gồm: Nợ gốc phải thanh toán là: 610.787.114 đồng; nợ lãi quá hạn: 100.525.980 đồng; phạt chậm trả là: 163.483 đồng.

Kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Hợp đồng cho vay số CLC-37894-01 ngày 11/3/2025, các khế ước nhận nợ kèm theo trên số nợ gốc tương ứng cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số CLC-37894-01 ngày 11/3/2025, các khế ước nhận nợ kèm theo thì ông Nguyễn Văn A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 các tài sản khác thuộc sở hữu của ông A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của Hợp đồng cho vay số CLC-37894-01 ngày 11/3/2025 theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-52999/25/SME/BLCN-01 được ký kết giữa Ngân hàng V với ông Nguyễn Văn A.

3. Về án phí: Công ty TNHH P chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 32.459.000 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Hoàn cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP V1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000679 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Hậu